

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **WOORI CBV SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **WOORI CBV**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 do Sở KH&ĐT cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006 .
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2014): 135.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 135.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành – Đống Đa – Hà Nội.
- Điện thoại: 04.39413369 Fax: 04.39410248
- E-mail: Support@wooricbv.com
- Website: www.wooricbv.com

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành:

- Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV (tiền thân là Công ty cổ phần chứng khoán Biển Việt) được thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2006, theo giấy phép kinh doanh số 0103015053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK – GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.
- Ngày 03/03/2008, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK – GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Ngày 10/03/2009, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK – GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.
- Theo Quyết định số 47/QĐ – UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).
- Theo Quyết định số 522/QĐ – UBCK ngày 19/08/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ)



1

cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

- Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Cổ phần chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK – GP của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- *Quá trình phát triển:*
- Năm 2006, Công ty CP Chứng khoán Woori CBV (Woori CBV) tham gia Hiệp Hội Kinh doanh Chứng khoán Quốc Tế ISITC-IOA và là thành viên đầu tiên của Hiệp hội này tại Việt Nam.
- Năm 2007, Woori CBV cho ra đời Bộ chỉ số CBV – index. Đây là Bộ chỉ số đầu tiên và lớn nhất về thị trường tài chính tại Việt Nam.
- Từ năm 2008, Công ty CP Chứng khoán Woori CBV đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 (chứng nhận bởi tổ chức quốc tế Bureau Veritas –UKAS của Vương Quốc Anh).
- Tháng 5/2010, Woori CBV bắt đầu triển khai giao dịch chứng khoán trực tuyến trên hệ thống phần mềm mới – Mug Café. Đây là hệ thống giao dịch trực tuyến được nhập khẩu hoàn toàn từ Hàn Quốc; tích hợp hệ thống IT liên hoàn từ giao dịch mua bán, đôn bẫy tài chính, kiểm soát phí đến các hoạt động xử lý sau giao dịch và kế toán cuối cùng.
- Tháng 12/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV giới thiệu dịch vụ mới, quản lý sổ cổ đông trực tuyến dành cho các tổ chức phát hành và cổ đông.
- Tháng 04/2011, Woori CBV tự hào là một trong ba công ty Chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010.
- Tháng 3/2013, Woori CBV là công ty chứng khoán duy nhất được trao tặng giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012.
- Tháng 3/2014, Woori CBV tự hào là một trong những công ty chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

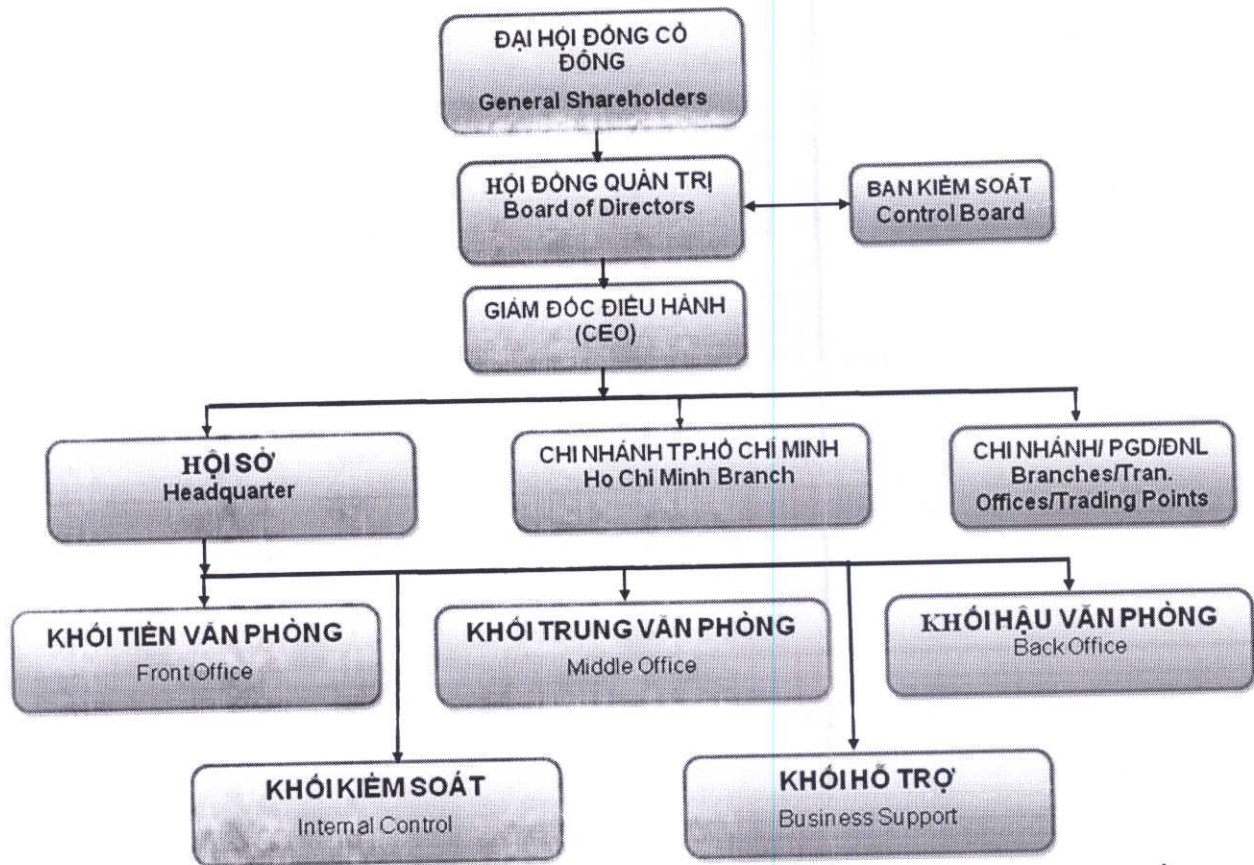
- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

✓/2

Tan H



Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của WOORI CBV quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ WOORI CBV quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của WOORI CBV và ngân sách cho năm tiếp theo. Đại hội cổ đông sẽ bầu ra hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát của WOORI CBV

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh WOORI CBV quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của WOORI CBV trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do luật pháp, điều lệ, các quy chế nội bộ của WOORI CBV và nghị quyết đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) quy định

Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động điều hành kinh doanh, báo cáo tài chính của WOORI CBV. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HDQT và ban tổng giám đốc (BTGD)

Ban Tổng giám đốc: Công ty cổ phần chứng khoán Woori CBV được điều hành bởi Ban Tổng giám đốc gồm 01 Tổng Giám Đốc và 01 Phó Tổng Giám Đốc. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành các công việc hàng ngày của WOORI CBV và chịu trách nhiệm trước HDQT về các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc là người trợ giúp cho Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của WOORI CBV

Hiện tại công ty được chia thành 05 Khối, 01 Ban, 01 Hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP.HCM.

5. Định hướng phát triển

- Mục tiêu:

WOORI CBV định hướng chiến lược trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư (Investment Banking), dịch vụ môi giới bán lẻ, trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại, nghiệp vụ chuyên nghiệp có kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên dịch vụ, song song đi kèm cung cấp dịch vụ phân tích chứng khoán và các dịch vụ khác, luôn giữ vững là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đưa Woori CBV trở thành công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam, sánh vai với các tập đoàn tài chính hàng đầu trên thế giới.

Công ty luôn trân trọng giá trị đích thực – tài sản quý giá nhất của công ty đó là con người. Công ty luôn coi lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu; liên tục cải tiến hoạt động trên nhiều phương diện, nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong ngành để đưa công ty trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, sánh vai với các tập đoàn tài chính hàng đầu trên thế giới.

- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây các hoạt động từ thiện nhằm chung tay góp sức xây dựng cộng đồng xanh, tươi đẹp trong tương lai.

6. Các rủi ro:

Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty là: rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động và rủi ro pháp lý. Trong đó:

- **Rủi ro thị trường:** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi, ví dụ như sự giảm giá chứng khoán. Trong rủi ro thị trường, Công ty chịu ảnh hưởng bởi rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá cổ phần. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty. Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.
- **Rủi ro thanh toán:** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Công ty có rủi ro thanh toán

chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ tiền gửi ngân hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro thanh toán từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty

- **Rủi ro thanh khoản:** là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.
- **Rủi ro hoạt động:** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- **Rủi ro pháp lý:** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Ý thức được sự nhạy cảm và mức độ rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, Woori CBV đã xây dựng dựng một hệ thống quản trị rủi ro bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, một cơ chế vận hành thống nhất bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý được các loại rủi ro có thể gặp phải như trên.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết thúc năm tài chính năm 2014 doanh thu công ty đạt được 13.178.539.240VND. Trong đó, Doanh thu hoạt động tư vấn đạt 4.452.380.133VND, chiếm tỷ trọng 34% doanh thu toàn Công ty.
- Năm 2014 là một năm đầy khó khăn, thử thách đối với toàn nền kinh tế nói chung và công ty chứng khoán nói riêng, nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2014 vẫn đạt được là 97.250.314 VND tăng 45% so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

STT	Họ và Tên	CMND	Địa chỉ
1	Vũ Đức Nghĩa	012037628	59 Đỗ Quang - P.Trung Hoà - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
2	Trần Nhật Huy	025419316	182/18 Bạch Đằng, phường 24, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Tiến sĩ Vũ Đức Nghĩa – Tổng Giám đốc: Cùng với sự hỗ trợ của các thành viên Hội đồng Chỉ số Việt Nam, ông là người sáng lập và đầu tiên xây dựng hệ thống chỉ số Vietnam Securities Indexes, Vietnam Bond Indexes, Vietnam Investor Confidence Indexes và nhiều chỉ số khác. Được đào tạo tại Trường Quản trị Kinh doanh Harvard và Trường Quản lý Hành chính công Harvard Kennedy - thuộc Đại học Harvard - Mỹ, ông cũng là tác giả của cuốn sách "Chỉ số & Đầu tư chứng khoán" cùng với GS.TS Nguyễn Văn Nam và PGS.TS Tô Ngọc Hưng. Là cổ đông sáng lập, ông Vũ Đức Nghĩa hiện là Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị của Woori CBV.

Thạc sĩ Trần Nhật Huy - Phó tổng giám đốc: Là thạc sĩ quản trị kinh doanh chuyên ngành phân tích tài chính với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Ông là giảng viên thỉnh giảng của nhiều trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh và là tác giả của bài viết: "Triển khai nghiệp vụ IB: Sân chơi không dành cho những tay mơ (số báo ngày 20/12/2010) – Diễn đàn doanh nghiệp; FII (đầu tư gián tiếp nước ngoài) đón song: mừng và lo (số báo Tết Xuân Tân Mão năm 2011) – Diễn đàn Doanh nghiệp; Hiện trạng pháp luật Việt Nam về mua bán sáp nhập doanh nghiệp (tài liệu lưu hành nội bộ năm 2009, đồng tác giả với thạc sĩ luật học Trương Thị Tuyết Minh, giảng viên Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh). Năm 2014, Ông Trần Nhật Huy là Phó tổng giám đốc của Woori CBV.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2014, Công ty không có thay đổi gì trong ban điều hành.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/12/2014, Số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 40 người.

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, luôn quan tâm chăm sóc động viên cán bộ nhân viên khi đau ốm và trong một số trường hợp đặc biệt.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2014, Công ty đã thoái vốn với tỷ trọng khá lớn đầu tư vào lĩnh vực tài chính cả ngắn hạn và dài hạn. Đến thời điểm 31/12/2014, số dư hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn là 11.555.415.870 đ và số dư hoạt động đầu tư tài chính dài hạn là 85.500.000đ

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	146.742.263.545	145.180.068.113	-1%
Doanh thu thuần	12.604.135.375	13.178.539.240	5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	108.911.249	65.264.004	-40%
Lợi nhuận khác	(24.975.898)	31.986.310	-228%
Lợi nhuận trước thuế	83.935.351	97.250.314	16%
Lợi nhuận sau thuế	67.148.281	97.250.314	45%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	8,40	11,82	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	8,32	11,79	Lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,07	0,06	Lần
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,07	Lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	8,59	9,08	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,53	0,74	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05	0,07	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,07	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,67	0,74	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Cổ đông	Số vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH đầu tư và chứng khoán Woori	66.150	49%
2	Võ Thị Hồng Vân	7.000	5,19%
3	Vũ Đức Nghĩa	8.500	6,30%
4	Cổ đông khác	53.350	39,51%

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn/ thành viên góp vốn trong nước

STT	Cổ Đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VND)
1	Tổ chức	0%	0
2	Cá nhân	51%	68.850.000.000

- Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài

STT	Cổ Đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VND)
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán Woori	49%	66.150.000.000

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
1. Doanh thu	1	VI.14	12.604.135.375	13.178.539.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		12.604.135.375	13.178.539.240
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	7.673.450.168	10.252.832.593
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		4.930.685.207	2.925.706.647
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	4.821.773.958	2.860.442.643
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		108.911.249	65.264.004

doanh				
8. Thu nhập khác	31	VI.17	190.560.327	42.135.141
9. Chi phí khác	32	VI.18	215.536.225	10.148.831
10. Lợi nhuận khác	40		(24.975.898)	31.986.310
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.935.351	97.250.314
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.19	16.787.070	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.148.281	97.250.314
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,97	7,20

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2014, thị trường chứng khoán Việt Nam gặp nhiều khó khăn, trong đó tình trạng nhiều công ty chứng khoán thua lỗ kéo dài, phá sản hoặc phải bán lại. Với Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV, không sở hữu những con số lợi nhuận hào nhoáng, song luôn thể hiện sự chắc chắn, ổn định trong bối cảnh đó.

Tám năm có mặt trên thị trường, Woori CBV đã tích lũy được nhiều giá trị cần thiết để gây dựng một nền tảng hoạt động vững vàng. Thay vì chạy đua cạnh tranh để nhanh chóng tạo thị phần nhưng dễ đối diện với rủi ro, công ty này chọn hướng cạnh tranh bằng chiều sâu.

Từ số vốn điều lệ 25 tỷ đồng ngày đầu, đều đặn qua các năm, năng lực tài chính của Woori CBV đã được nâng cao với quy mô 135 tỷ đồng. Xuyên suốt quá trình hoạt động, chiến lược hoạt động của công ty được xác định rõ: tạo những bước đi khác biệt trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt trên thị trường. Hướng phát triển này có sự đồng hành của cổ đông chiến lược nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori, tổ chức tài chính hàng đầu tại Hàn Quốc với nhiều kinh nghiệm trong phát triển công nghệ và lĩnh vực ngân hàng đầu tư.

Thay vì cạnh tranh quyết liệt về phí dịch vụ, cung cấp các đòn bẩy tài chính hấp dẫn để nắm thị phần nhưng nhiều rủi ro, Woori CBV từng bước thiết lập vị trí của mình bằng các sản phẩm chuyên sâu và riêng có. Ngay từ năm 2007, Woori CBV đã giới thiệu và cung cấp Bộ chỉ số Vietnam Securities Indexes (VSI), Vietnam Finance Indexes (VFI) trên thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới nhằm phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. VSI là bộ chỉ số đầu tiên bao gồm tất cả các cổ phiếu niêm yết trên hai Sở giao

dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội, là bộ chỉ số Việt Nam đầu tiên được Bloomberg tài trợ và giới thiệu tới các tổ chức tài chính toàn cầu. VFI là bộ chỉ số tài chính đa dạng nhất và lớn nhất Việt Nam hiện nay với hơn 450 loại chỉ số cổ phiếu, 50 loại chỉ số trái phiếu, 30 loại chỉ số quỹ và hơn 50 các loại chỉ số khác. Bộ chỉ số này đã đánh dấu một thế mạnh nổi bật của Woori CBV cho đến nay.

Chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cấp, được khách hàng khá hài lòng

Các quy trình nghiệp vụ được cải tiến hoàn thiện hơn, giúp chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao và giúp Công ty kiểm soát được rủi ro, trong năm 2014 Công ty không phát sinh thêm khoản nợ xấu .

Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được nâng cấp liên tục : dịch vụ tại sàn, qua điện thoại, trực tuyến,..... Công ty đang sử dụng phần mềm kinh doanh chứng khoán được nhập khẩu từ Hàn Quốc với giá trị rất lớn (theo đánh giá của 1 thành viên HĐQT Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc, thì đây là một trong những phần mềm kinh doanh chứng khoán hàng đầu Châu Á), đảm bảo phục vụ tốt nhất các hoạt động của nhà đầu tư, tạo ra được các tiện ích cho nhà đầu tư , đồng thời giảm thiểu đáng kể các sai sót do con người.

Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản và nợ phải trả thể hiện qua bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014 của công ty như sau:

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.502.901.100	88.952.761.972
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.501.506.390	16.999.673.083
1. Tiền	111		16.001.506.390	16.999.673.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.476.433.870	55.341.123.206
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.555.415.870	55.341.123.206
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.078.982.000)	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	74.880.504.726	13.633.766.544

1. Phải thu khách hàng	131		102.162.725	3.517.840.795
2. Trả trước cho người bán	132		7.267.782.282	1.025.795.708
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.070.743.619	8.314.290.719
5. Các khoản phải thu khác	138		64.022.474.911	1.276.427.775
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(582.658.811)	(500.588.453)
IV. Hàng tồn kho	140		249.515.141	892.175.819
1. Hàng tồn kho	141	V.04	249.515.141	892.175.819
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.394.940.973	2.086.023.320
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.226.056	20.889.011
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		121.963.261	95.217.689
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.073.751.656	1.969.916.620
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.677.167.013	57.789.501.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		37.581.098.919	42.094.872.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.647.675.494	2.942.124.678
- Nguyên giá	222		5.441.568.944	5.441.568.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.793.893.450)	(2.499.444.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	19.465.570.786	20.759.437.066
- Nguyên giá	228		25.036.576.214	25.036.576.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.571.005.428)	(4.277.139.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	15.467.852.639	18.393.311.139
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài	250	V.02	85.500.000	13.207.098.000

hạn				
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		85.500.000	85.500.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		0	13.121.598.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.010.568.094	2.487.530.690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	796.442.676	1.242.274.639
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		924.481.647	874.289.963
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	289.643.771	370.966.088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.180.068.113	146.742.263.545
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		8.928.596.060	10.588.041.806
I. Nợ ngắn hạn	310		8.928.596.060	10.588.041.806
2. Phải trả người bán	312		559.072.811	1.023.893.045
3. Người mua trả tiền trước	313		207.296.271	207.296.271
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	36.639.124	645.338.989
5. Phải trả người lao động	315		(3.100.000)	329.218.002
6. Chi phí phải trả	316		187.168.320	72.465.273
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.989.687.796	2.030.160.194
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		5.837.675.333	6.165.513.377
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		114.156.405	114.156.655
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.251.472.053	136.154.221.739
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	136.251.472.053	136.154.221.739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000

7. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.024.173.157	926.922.843
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.180.068.113	146.742.263.545

a, Tình hình về tài sản:

Giá trị tài sản cố định năm 2014 không thay đổi so với năm 2013, do trong năm 2014 công ty không mua sắm thêm tài sản so với năm 2013.

b, Tình hình về nợ phải trả

Công ty không có nợ dài hạn, chỉ có nợ ngắn hạn, các khoản nợ ngắn hạn trong năm không có biến động lớn. Phần nợ phải trả nhà đầu tư số dư biến động, thay đổi tùy theo số dư tiền của Nhà đầu tư tại các NHTM chuyên dụng mà Công ty đã mở phục vụ cho hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư nên không có phải trả nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện việc ứng dụng triệt để Công nghệ thông tin trong các hoạt động của Công ty.
- Bổ sung, cơ cấu lại hệ thống nhân sự trong Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý và sự phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên làm việc trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Ngắn hạn: Tiếp tục nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, tiếp tục củng cố và phát triển thương hiệu để tăng thị phần và doanh thu, tiến tới chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu ngành chứng khoán.

Trung và dài hạn: Mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính chất lượng hàng đầu với phong cách chuyên nghiệp và tận tâm, liên tục cải tiến trên mọi phương diện để đưa công ty dần đầu thị trường với định hướng toàn cầu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

- Giải trình ý kiến kiểm toán về vấn đề ngoại trừ:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Woori CBV có số dư khoản phải thu tồn đọng từ trước năm 2009 là khoảng 4,1 tỷ đồng. Ban Giám đốc Woori CBV tin tưởng rằng Woori

CBV sẽ thu hồi được các khoản công nợ này trong thời gian tới và do đó Ban Giám đốc tin rằng mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 12% hợp lý hơn hướng dẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

• Về chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Năm 2014, công ty cổ phần chứng khoán Woori CBV có nhiều cố gắng trong hoạt động kinh doanh, song do ảnh hưởng nhiều yếu tố khách quan đặc biệt là nền kinh tế chung vẫn nằm trong chu kỳ khủng hoảng dẫn đến những khó khăn làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch kinh doanh của công ty (như trong phần báo cáo của Tổng giám đốc đã trình bày). Hội đồng quản trị đánh giá kế hoạch kinh doanh năm 2014 với một số chỉ tiêu chính :

- Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 13.220.674.381 VNĐ

- Tổng lợi nhuận sau thuế : 97.250.314 VNĐ

- Phát triển mạng lưới, quản lý: Thực hiện tốt việc duy trì mạng lưới hoạt động, tăng cường hoạt động quản lý giám sát.
- Quản trị rủi ro: Tuân thủ nghiêm các quy định về tỉ lệ đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động của UBCKNN.
- Hoạt động đối ngoại truyền thông: Tích cực tham gia các hoạt động đối ngoại truyền thông nhằm xây dựng thương hiệu chứng khoán Woori CBV.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2014 tiếp tục là một năm kinh tế trong nước và thế giới có những biến động phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành đã cụ thể hóa các chủ trương được ĐHCĐ, Hội đồng Quản trị thông qua bằng những chương trình hành động cụ thể, linh hoạt phù hợp với diễn biến môi trường kinh doanh. Công tác rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch được Ban điều hành chỉ đạo thực hiện chặt chẽ và thường xuyên, từ đó đã có những điều chỉnh phù hợp trong điều hành hoạt động kinh doanh. Các thành viên Ban Điều hành đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình, luôn hành động vì lợi ích của cổ đông, lợi ích của Nhà nước và công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015 được dự đoán là năm kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam có được những dấu hiệu khả quan hơn nhưng vẫn có thể diễn biến phức tạp, cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt, nảy sinh thêm nhiều thách thức mới.

Định hướng chủ đạo của năm 2015: Bám sát chiến lược đã được phê duyệt, tiếp tục củng cố vị thế dịch vụ ngân hàng đầu tư của công ty chứng khoán, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động cung cấp các sản phẩm tư vấn trọn gói cho doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp hoạt động có tầm nhìn và kế hoạch dài hạn hơn, tránh các rủi ro tài chính và rủi ro pháp lý. Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, các yêu cầu về sự minh bạch, sự tuân thủ chuẩn mực tài chính, kế toán và các chuẩn mực pháp lý sẽ ngày càng khắt khe.

Điều này sẽ khiến các doanh nghiệp cần nhiều hơn sự tư vấn và hỗ trợ của các nhà tư vấn chuyên nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán.

Do vậy, Woori CBV xác định sẽ đưa ra các sản phẩm liên hoàn và bổ sung cho nhau. Ngoài việc thực hiện các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cơ bản (như phát hành, niêm yết,..), Woori CBV sẽ chú trọng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cao cấp như tư vấn M&A, tư vấn IR (Investor Relations – Quan hệ nhà đầu tư), đây là những dịch vụ giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận thị trường vốn quốc tế.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp của thành viên HĐQT

STT	Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chức danh
1	Park Jong Hyun	29,00	Chủ tịch HĐQT
2	Võ Thị Hồng Vân	5,19	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn thiện Toàn	1,68	Ủy viên HĐQT
4	Vũ Đức Nghĩa	6,30	Ủy viên HĐQT
5	Jin Woo Hyun	10,00	Ủy viên HĐQT
6	Lee Yun Ki	10,00	Ủy viên HĐQT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban quản trị rủi ro

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT chỉ đạo điều hành cũng như giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy quản lý thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của HĐQT và bộ máy quản lý về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành, thông qua các báo cáo, văn bản gửi tới báo cáo HĐQT.

- Tất cả các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia xem xét tái cấu trúc bộ máy Công ty, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, nghiên cứu, chất vấn, góp ý, bổ sung và thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 2014 do ban giám đốc đệ trình; xem xét và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định.

Hàng quý, trên cơ sở Báo cáo tài chính Công ty, HĐQT và Ban kiểm soát đã kiểm tra và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo đúng kế hoạch và đúng theo quy định của pháp luật.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày tháng	Nội dung và kết quả
1	14/01/2014	Thông qua chính sách Quản trị rủi ro
2	18/01/2014	Thay đổi Chủ tịch HĐQT
3	03/04/2014	Xem xét và bàn bạc kế hoạch kinh doanh của Công ty
4	02/10/2014	Xem xét và bàn bạc kế hoạch kinh doanh của Công ty

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Ông Lâm Đức Trường - Trưởng ban
- Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ - Thành Viên
- Ông Chung Yeon Wook - Thành viên
- Ông Min Doo Ha - Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tại Woori CBV đã theo dõi trực tiếp sát sao hoạt động của công ty thông qua các buổi làm việc trực tiếp tại công ty.

Ban kiểm soát đã theo dõi và xem xét trực tiếp mọi số liệu báo cáo của Công ty nên nắm vững tình hình và hiểu rõ các hoạt động thực tế của Công ty.

Từ thực tế trên, Ban kiểm soát yên tâm với chế độ quản lý hiện nay tại công ty, tuân thủ các yêu cầu pháp luật, quy trình nghiệp vụ và minh bạch.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị: 148.794.142 vnd
- Ban kiểm soát: Không hưởng thù lao
- Ban giám đốc:

STT	Chức danh	Tên	Lương + Thưởng
1	Tổng giám đốc	Vũ Đức Nghĩa	41.236.000 vnd
2	Phó Tổng giám đốc	Trần Nhật Huy	235.478.920 vnd

- a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch
- b. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch
- c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện minh bạch, đạt hiệu quả tốt, và đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K
Ý kiến kiểm toán độc lập (Tài liệu đính kèm trang 4-5)

2. Báo cáo kiểm toán

Bảng cân đối kế toán (Tài liệu đính kèm, trang 6-7)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Tài liệu đính kèm, trang 8)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Tài liệu đính kèm, Trang 9)

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (tài liệu đính kèm trang 10)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tài Liệu đính kèm, Trang 11-26)

3. Kiểm toán nội bộ

Ý kiến kiểm toán nội bộ: Woori CBV tuân thủ các quy định về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo TT210/2012/TT- BTC , thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. Woori CBV đã thực hiện phù hợp với Luật kế toán số 03/2003/QH11/06/2003, luật chứng khoán Luật 70/2006/QH11 và các chuẩn mực kế toán của Việt Nam, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty Chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư số 95/2008/TT-BTC.

Hà nội, ngày tháng năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC NGHĨA

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. <i>Thông tin khái quát:</i>	1
2. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	1
3. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	2
4. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....</i>	2
5. <i>Định hướng phát triển.....</i>	4
6. <i>Các rủi ro:.....</i>	4
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	5
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....</i>	5
2. <i>Tổ chức và nhân sự</i>	5
3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i>	6
4. <i>Tình hình tài chính.....</i>	6
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	7
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	8
1. <i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	8
2. <i>Tình hình tài chính.....</i>	10
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....</i>	13
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai.....</i>	13
5. <i>Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán</i>	13
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	14
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	14
2. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</i>	14
3. <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	14
V. Quản trị công ty	15
1. <i>Hội đồng quản trị</i>	15
2. <i>Ban Kiểm soát.....</i>	16
3. <i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</i>	16
VI. Báo cáo tài chính	17
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i>	17
2. <i>Báo cáo kiểm toán</i>	17
3. <i>Kiểm toán nội bộ.....</i>	17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.502.901.100	88.952.761.972
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.501.506.390	16.999.673.083
1. Tiền	111		16.001.506.390	16.999.673.083
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.476.433.870	55.341.123.206
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.555.415.870	55.341.123.206
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.078.982.000)	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	74.880.504.726	13.633.766.544
1. Phải thu khách hàng	131		102.162.725	3.517.840.795
2. Trả trước cho người bán	132		7.267.782.282	1.025.795.708
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.070.743.619	8.314.290.719
5. Các khoản phải thu khác	138		64.022.474.911	1.276.427.775
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(582.658.811)	(500.588.453)
IV. Hàng tồn kho	140		249.515.141	892.175.819
1. Hàng tồn kho	141	V.04	249.515.141	892.175.819
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.394.940.973	2.086.023.320
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.226.056	20.889.011
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		121.963.261	95.217.689
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.073.751.656	1.969.916.620
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.677.167.013	57.789.501.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		37.581.098.919	42.094.872.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.647.675.494	2.942.124.678
- Nguyên giá	222		5.441.568.944	5.441.568.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.793.893.450)	(2.499.444.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	19.465.570.786	20.759.437.066
- Nguyên giá	228		25.036.576.214	25.036.576.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.571.005.428)	(4.277.139.148)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	15.467.852.639	18.393.311.139
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	85.500.000	13.207.098.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		85.500.000	85.500.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		0	13.121.598.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.010.568.094	2.487.530.690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	796.442.676	1.242.274.639
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		924.481.647	874.289.963
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	289.643.771	370.966.088
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.180.068.113	146.742.263.545

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		8.928.596.060	10.588.041.806
I. Nợ ngắn hạn	310		8.928.596.060	10.588.041.806
2. Phải trả người bán	312		559.072.811	1.023.893.045
3. Người mua trả tiền trước	313		207.296.271	207.296.271
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	36.639.124	645.338.989
5. Phải trả người lao động	315		(3.100.000)	329.218.002
6. Chi phí phải trả	316		187.168.320	72.465.273
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.989.687.796	2.030.160.194
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		5.837.675.333	6.165.513.377
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		114.156.405	114.156.655
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.251.472.053	136.154.221.739
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	136.251.472.053	136.154.221.739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.024.173.157	926.922.843
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.180.068.113	146.742.263.545

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

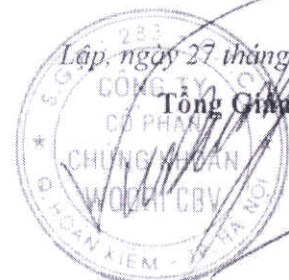
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		139.544.110.000	149.201.170.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		139.544.110.000	149.201.170.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		136.880.750.000	143.533.730.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		2.663.360.000	5.667.440.000

Người lập

ĐÔNG THỊ DUY THANH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH



Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

VŨ ĐỨC NGHĨA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	13.178.539.240	12.604.135.375
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		948.176.929	673.484.361
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		6.188.118.600	263.913.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.452.380.133	6.564.196.423
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		0	
- Doanh thu khác	01.9		1.589.863.578	5.102.541.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		13.178.539.240	12.604.135.375
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	10.252.832.593	7.673.450.168
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.925.706.647	4.930.685.207
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	2.860.442.643	4.821.773.958
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.264.004	108.911.249
8. Thu nhập khác	31	VI.17	42.135.141	190.560.327
9. Chi phí khác	32	VI.18	10.148.831	215.536.225
10. Lợi nhuận khác	40		31.986.310	(24.975.898)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.250.314	83.935.351
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.19	0	16.787.070
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		97.250.314	67.148.281
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc





ĐỒNG THỊ DUY THANH

NGUYỄN THỊ LAN ANH

VŨ ĐỨC NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	97.250.314	83.935.351
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.588.315.464	1.553.055.779
- Các khoản dự phòng	03	1.161.052.358	169.191.858
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	0	11.292.188
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.278.382.838)	(5.021.954.956)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(4.431.764.702)	(3.204.479.780)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41.632.741.148)	2.069.566.591
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	642.660.678	(642.660.678)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.629.782.109)	5.215.444.998
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	267.494.918	(379.355.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.663.637)	0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	328.763.496.039	63.208.790
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(276.552.758.070)	(11.292.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.396.941.969	3.110.432.621
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.779.591.500)	(10.930.141.304)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	0	25.263.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.015.430.000)	(12.680.264.045)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đv khác	24	28.621.530.000	4.250.759.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(13.121.598.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.278.382.838	5.021.954.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.895.108.662)	(27.434.025.756)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	501.833.307	(24.323.593.135)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16.999.673.083	41.323.266.218
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.501.506.390	16.999.673.083

Người lập

ĐÔNG THỊ DUY THANH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015



VŨ ĐỨC NGHĨA

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận chưa phân phối		859.774.563	926.922.843	67.148.280	0	97.250.314	0	926.922.843	1.024.173.157
Cộng		136.087.073.459	136.154.221.739	67.148.280	0	97.250.314	0	136.154.221.739	136.251.472.053

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015



DÔNG THỊ DUY THANH

NGUYỄN THỊ LAN ANH

VŨ ĐỨC NGHĨA

11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở hoạt động: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Worri	66.150.000.000	49%
2	Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6%
3	Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5%
4	Các cá nhân khác	53.350.000.000	40%
Cộng		135.000.000.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

✓
WU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2014, Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất của các khoản phải thu khó đòi phát sinh từ trước năm 2009 là 12%. Do Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi được các khoản công nợ này trong thời gian tới nên chỉ trích lập dự phòng phải thu khó đòi mức 12% trên tổng số dư nợ khó đòi.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 18 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 – 15 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 20 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trung dương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn, ✓

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} \\ \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \left[\begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \\ \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} \end{array} \right] - \left[\begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \end{array} \right]$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ

- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí kiểm toán và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

✓
W T M

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

✓
Ưư Tm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
01. Tiền	151.064.707	140.254.117
- Tiền mặt	15.850.441.683	16.859.418.966
- Tiền gửi ngân hàng	5.924.803.412	6.141.323.167
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	9.925.638.271	10.718.095.799
+ Tiền gửi của Công ty	1.500.000.000	0
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.500.000.000	0
+ Ngân hàng BIDV Hà Thành	17.501.506.390	16.999.673.083
Cộng	17.501.506.390	16.999.673.083

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	1.427.290	65.113.110.000
- Cổ phiếu	1.427.290	65.113.110.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	37.437.744	482.427.574.500
- Cổ phiếu	37.437.744	482.427.574.500
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	38.865.034	547.540.684.500

✓
Ưt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường		Ghi chú
	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
02. Đầu tư tài chính											
I. Chứng khoán thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Chứng khoán đầu tư	77.193	597	8.405.415.870	11.515.870	0	0	1.078.982.000	0	7.326.433.870	11.515.870	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	77.193	597	8.405.415.870	11.515.870	0	0	1.078.982.000	0	7.326.433.870	11.515.870	
- VNM	76.596	597	8.393.900.000	0	0	0	1.078.982.000	0	7.314.918.000	0	
- Cổ phiếu lẻ	597	0	11.515.870	11.515.870	0	0	0	0	11.515.870	11.515.870	
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III. Đầu tư góp vốn	0	0	85.500.000	13.207.098.000	0	0	0	0	85.500.000	13.207.098.000	
- Vốn góp liên doanh, liên kết	0	0	85.500.000	85.500.000	0	0	0	0	85.500.000	85.500.000	
- Đầu tư dài hạn khác	0	0	0	13.121.598.000	0	0	0	0	0	13.121.598.000	
IV. Đầu tư tài chính khác	0	0	3.150.000.000	55.329.607.336	0	0	0	0	3.150.000.000	55.329.607.336	
- Hợp đồng Ứng trước tiền bán chứng khoán	0	0	0	770.085.336	0	0	0	0	0	770.085.336	
- Hợp đồng mua chứng khoán chưa niêm yết có kỳ hạn	0	0	0	8.923.681.000	0	0	0	0	0	8.923.681.000	
- Hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn	0	0	0	28.786.600.000	0	0	0	0	0	28.786.600.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	0	0	3.150.000.000	16.849.241.000	0	0	0	0	3.150.000.000	16.849.241.000	
Tổng cộng	77.193	597	11.640.915.870	68.548.221.206	0	0	1.078.982.000	0	10.561.933.870	68.548.221.206	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm			Số PS trong kỳ			Số cuối năm			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Tầng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Phải thu của khách hàng	3.517.840.795	103.727.450	87.121.500	3.715.611.937	7.131.290.007	102.162.725	102.162.725	87.121.500	87.121.500	
2. Trả trước cho người bán	1.025.795.708	0	0	14.073.471.531	7.831.484.957	7.267.782.282	0	0	0	
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.314.290.719	8.314.290.719	8.314.290.719	63.635.531	4.307.182.631	4.070.743.619	4.070.743.619	4.070.743.619	495.537.311	
5. Phải thu khác	1.276.427.775	0	0	638.389.666.445	575.643.619.309	64.022.474.911	0	0	0	
- Ngân hàng BIDV (tiền bán chứng khoán tự doanh)	0	0	0	28.097.680.000	8.297.900.000	19.799.780.000	0	0	0	
- Phải thu tiền bán chứng khoán đầu tư (*)	0	0	0	18.168.750.000	0	18.168.750.000	0	0	0	
- Theo thuận đặt cọc mua chứng khoán (**)	1.276.427.775	0	0	591.900.445.000	566.372.445.000	23.528.000.000	0	0	0	
- Các khoản phải thu khác	14.134.354.997	8.418.018.169	8.401.412.219	656.242.385.444	594.913.576.904	75.463.163.537	4.172.906.344	4.157.865.119	582.658.811	
Tổng cộng:										

(**) Đây là khoản phải thu từ các Hợp đồng đặt mua chứng khoán giữa Công ty và đối tác, mà mọi thỏa thuận quy định trong Hợp đồng này đều là thỏa thuận dân sự giữa Công ty và đối tác vì mục đích tự doanh chứng khoán của Công ty. Theo đó:

- + Thực hiện việc tự doanh chứng khoán của Công ty, Công ty đặt trước cho đối tác một khoản tiền (gọi tắt là Khoản đặt trước) để đối tác mua hộ cho Công ty cổ phần của các doanh nghiệp với mức giá và khối lượng do Công ty chỉ định.
- + Ngay sau khi mua được những cổ phần trên, đối tác có trách nhiệm thực hiện mọi thủ tục cần thiết để chuyển quyền sở hữu cho Công ty.
- + Công ty có trách nhiệm thanh toán cho đối tác một khoản phí bằng 0.015% * Tổng giá trị giao dịch thành công sau khi đối tác hoàn tất việc mua và bán lại các cổ phần cho Công ty theo quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
04. Hàng tồn kho		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	249.515.141	892.175.819
Cộng	249.515.141	892.175.819
05. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tài sản thiếu chờ xử lý	81.648.595	81.648.595
- Tạm ứng	1.992.103.061	1.888.268.025
Cộng	2.073.751.656	1.969.916.620

✓
WU TM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORICBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	459.910.106	4.539.992.648	441.666.190	5.441.568.944
Số dư cuối năm	459.910.106	4.539.992.648	441.666.190	5.441.568.944
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	361.206.448	1.801.198.190	337.039.628	2.499.444.266
- Khấu hao trong kỳ	5.755.608	260.054.040	28.639.536	294.449.184
Số dư cuối năm	366.962.056	2.061.252.230	365.679.164	2.793.893.450
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
- Tại ngày đầu năm	98.703.658	2.738.794.458	104.626.562	2.942.124.678
- Tại ngày cuối năm	92.948.050	2.478.740.418	75.987.026	2.647.675.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>		
Số dư đầu năm	25.036.576.214	25.036.576.214
Số dư cuối kỳ	25.036.576.214	25.036.576.214
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư đầu năm	4.277.139.148	4.277.139.148
- Khấu hao trong kỳ	1.293.866.280	1.293.866.280
Số dư cuối quý	5.571.005.428	5.571.005.428
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>		
- Tại ngày đầu năm	20.759.437.066	20.759.437.066
- Tại ngày cuối quý	19.465.570.786	19.465.570.786

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí xây dựng phần mềm chỉ số, phần mềm gd chứng khoán, phần mềm quản lý khách hàng

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

15.467.852.639

18.393.311.139

15.467.852.639

18.393.311.139

09. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí khác

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

470.116.224

705.034.977

213.582.097

287.132.855

112.744.355

250.106.807

796.442.676

1.242.274.639

10. Tài sản dài hạn khác

- Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

289.643.771

370.966.088

289.643.771

370.966.088

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế khác

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

0

531.245.324

17.515.412

47.179.049

14.123.603

61.914.507

5.000.109

5.000.109

36.639.124

645.338.989

12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn

- Tài sản thừa chờ xử lý
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
- Các khoản khác

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

378.850.234

378.850.234

0

19.304.557

1.610.837.562

1.632.005.403

1.989.687.796

2.030.160.194

✓
T.M.T

13. **Vốn chủ sở hữu**

13.1 **Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	113.649.448	-	-	113.649.448
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	113.649.448	-	-	113.649.448
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	926.922.843	97.250.314	-	1.024.173.157
Tổng cộng	136.154.221.739	97.250.314	-	136.251.472.053

13.2 **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori
- Ông Vũ Đức Nghĩa
- Bà Võ Thị Hồng Vân
- Các cá nhân khác

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	66.150.000.000	66.150.000.000
	8.500.000.000	8.500.000.000
	7.000.000.000	7.000.000.000
	53.350.000.000	53.350.000.000
	135.000.000.000	135.000.000.000

13.3 **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	135.000.000.000	135.000.000.000
	0	0
	0	0
	135.000.000.000	135.000.000.000

13.4 **Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- *Cổ phiếu phổ thông*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- *Cổ phiếu phổ thông*
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	13.500.000	13.500.000
	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
14. Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	948.176.929	673.484.361
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.188.118.600	263.913.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	4.452.380.133	6.564.196.423
- Doanh thu khác	1.589.863.578	5.102.541.591
Trong đó: Cổ tức	1.140.966.600	-
Cộng	13.178.539.240	12.604.135.375
15. Chi phí hoạt động kinh doanh		
- Chi phí trực tiếp hoạt động KDCK	2.526.321.481	1.883.254.656
- Chi phí nhân viên trực tiếp	4.517.012.311	4.354.176.821
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.111.820.822	1.087.139.048
- Chi phí khác	2.097.677.979	348.879.643
Cộng	10.252.832.593	7.673.450.168
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	164.051.790	980.449.674
- Chi phí vật liệu quản lý	20.002.600	19.169.763
- Chi phí đồ dùng văn phòng	19.778.182	29.235.500
- Chi phí khấu hao TSCĐ	476.494.642	465.916.731
- Thuế, phí, lệ phí	234.713.189	280.866.648
- Dự phòng	82.070.358	169.191.858
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.688.982.027	2.454.960.620
- Chi phí bằng tiền khác	174.349.855	421.983.164
Cộng	2.860.442.643	4.821.773.958
17. Thu nhập khác		
- Thu phí cấp lại thẻ OTP	3.364.400	2.100.000
- Thanh lý tài sản	0	56.263.637
- Lãi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	0	88.154.812
- Khác	38.770.741	44.041.878
Cộng	42.135.141	190.560.327
18. Chi phí khác		
- Tiền BHXH, BHYT	7.354.709	3.562.754
- Thanh lý tài sản	0	53.001.763
- Giá trị còn lại của tài sản không sử dụng	0	126.548.456
- Khác	2.794.122	32.423.252
Cộng	10.148.831	215.536.225

19. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Năm nay</u>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.250.314
2. Các khoản thu nhập không chịu thuế	1.140.966.600
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	0
4. Số lỗ kết chuyển	0
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm(4=1-2+3-4)	(1.043.716.286)
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành(5=4x20%)	0

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Đơn vị tính: VND

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	17.501.506.390	17.501.506.390
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.555.415.870	10.476.433.870
- Các khoản phải thu khách hàng	102.162.725	15.041.225
- Trả trước cho người bán	7.267.782.282	7.267.782.282
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.070.743.619	3.575.206.308
- Phải thu khác	64.022.474.911	64.022.474.911

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 31/12/2014
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	559.072.811
- Người mua trả tiền trước	207.296.271
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.837.675.333
- Chi phí phải trả	187.168.320
- Phải trả khác	1.989.687.796

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	559.072.811		559.072.811
- Người mua trả trước	207.296.271		207.296.271
- Phải trả khác	1.989.687.796		1.989.687.796
- Chi phí phải trả	187.168.320		187.168.320
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.837.675.333		5.837.675.333

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

Các bên liên quan	Số tiền (VND)
Thù lao Hội đồng quản trị	148.794.142
Thù lao Ban Tổng Giám đốc	276.714.920

4. Thông tin về các bên liên quan khác phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan nào khác.

Tại thời điểm 31/12/2014, không có số dư nào với các bên liên quan.

Người lập

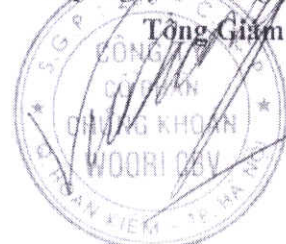

ĐỒNG THỊ DUY THANH

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Tông Giám đốc

**VŨ ĐỨC NGHĨA**